

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày 03/4/2019

Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Vinh;
2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1933 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 280 ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hồ Thị Phương D, sinh năm 1963 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 84 ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền ngày 02/11/2018).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Trần Thanh P, sinh năm 1982 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số, ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Chị Trịnh Hoàng A (Tên gọi khác là Trịnh Thị Y), sinh năm 1986 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số, ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2018 (BL 28), Biên bản lấy lời khai (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hà Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là chị Hồ Thị Phương D trình bày:

Vào năm 2011, bà H với vợ chồng anh Trần Thanh P - Trịnh Hoàng A (Trịnh Thị Y) có giao kết với nhau Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Theo Hợp đồng, bà H cho anh P - chị Y vay tiền nhiều lần, vay không có lãi, không xác định thời hạn cụ thể. Ngày 12/3/2017, chị Hoàng A (Y) ký giấy xác nhận nợ của bà H số tiền 54.500.000 đồng, cam kết hàng tháng sẽ trả 1.000.000 đồng đến khi kết thúc nợ. Tuy nhiên, vợ chồng anh P không thực hiện đúng cam kết, mỗi tháng chỉ thanh toán được 500.000 đồng và ngưng không trả nợ từ ngày 23/9/2017, hiện còn nợ bà H 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng). Bà H đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu vợ chồng anh P - chị Hoàng A thanh toán số tiền còn nợ nêu trên, không yêu cầu trả lãi suất. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T xác định được trước khi bà H khởi kiện, nơi cư trú của anh P - chị Hoàng A tại ấp T, xã H, thị xã V nên quyết định chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu giải quyết theo thẩm quyền.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu (BL 24-27); bản fotocopy Giấy biên nhận ngày 12/3/2017 (BL 18); Tờ tường trình được Công an xã L xác định chị Trịnh Hoàng A, sinh năm 1986 có tên thường gọi là Trịnh Thị Y (BL 43).

- Đối với bị đơn Trần Thanh P và Trịnh Hoàng A: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng anh P và chị Hoàng A đều không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Vợ chồng anh P còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho anh P với chị Hoàng A và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 18/3/2019, các bị đơn vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ là Biên bản xác minh về nơi cư trú và việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn Trần Thanh P, Trịnh Hoàng A (BL 101).

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị H, buộc bị đơn Trần Thanh P và Trịnh Hoàng A phải trả nguyên đơn số tiền 51.000.000 đồng và quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Bà Hà Thị H khởi kiện, yêu cầu vợ chồng anh Trần Thanh P - chị Trịnh Hoàng A trả nợ các khoản vay từ năm 2011. Đây là giao dịch dân sự đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được điều chỉnh bởi điểm b Khoản 1 Điều 688, Điều 463 và các quy định tương ứng của Bộ luật này. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Thanh P và chị Trịnh Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn P và Hoàng A.

[2] Về nội dung giải quyết.

- Căn cứ Giấy biên nhận ngày 12/3/2017 cũng như việc không phản đối của anh P - chị Hoàng A và kết quả xác minh của Tòa án, đối chiếu với quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà Hà Thị H về việc giao kết Hợp đồng vay tài sản với vợ chồng anh Trần Thanh P - chị Trịnh Hoàng A là sự thật. Mặc dù Hợp đồng vay tiền không được lập thành văn bản nhưng thực tế đã diễn ra theo lời trình bày của nguyên đơn và việc không phản đối của phía bị đơn; theo đó, bà H là bên cho vay còn vợ chồng anh P - chị Hoàng A là bên vay; tính đến ngày 12/3/2017, anh P và chị Hoàng A đã vay của bà H 54.500.000 đồng, đã thanh toán nhiều lần được 3.500.000 đồng nên còn nợ bà H 51.000.000 đồng. Vì vậy, giữa bà H với anh P - chị Hoàng A đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 119, Điều 463 của Bộ luật dân sự. Do bên vay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Căn cứ các tình tiết thực tế, có cơ sở khách quan xác định bà H với vợ chồng anh P đã giao kết với nhau Hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi suất, hiện anh P và chị Hoàng A còn nợ bà H số tiền vốn vay là 51.000.000 đồng. Nhiều lần bà H yêu cầu thanh toán, anh P và chị Hoàng A vẫn không trả nợ, có nghĩa là bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ báo trước nên anh P với chị Hoàng A có nghĩa vụ trả lại tiền vay quy định tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh P và chị Hoàng A chưa trả nợ và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng anh P - chị Hoàng A phải trả lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, anh Trần Thanh P và chị Trịnh Hoàng A phải chịu án phí là $51.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.550.000 \text{ đồng}$.

[4] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 688, Điều 463, Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H đối với vợ chồng anh Trần Thanh P - chị Trịnh Hoàng A (Tên gọi khác là Trịnh Thị Y), về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Buộc anh Trần Thanh P và chị Trịnh Hoàng A có nghĩa vụ liên đới trả bà H số tiền vốn vay là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh P và chị Hoàng A chưa trả nợ và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng anh P - chị Hoàng A phải trả lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Anh Trần Thanh P và chị Trịnh Hoàng A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền anh P - chị Hoàng A phải nộp là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Hà Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.275.000 đồng, theo Biên lai thu số 0009596 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (Tại Biên lai, ghi tên bà Hà Thị T theo Thông báo nhầm tên của bà H, do lỗi đánh máy của Tòa án nhân dân huyện T).

3. Bà Hà Thị H có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Trần Thanh P và chị Trịnh Hoàng A có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐÚC CHƯƠNG